

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HC-PT

Ngày 12-01-2024

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông K'Tiêng
- *Các thẩm phán:* Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Hồng Chương
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 01/2023/TLPT-HC ngày 13-11-2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*” do có kháng cáo của ông Trần Công B đối với bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2023/HC-ST ngày 27-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐXXPT-HC ngày 27-11-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 207/2023/QĐPT-HC ngày 14-12-2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Công B; địa chỉ: Tổ A, phường Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Chị Đinh Ngọc N; địa chỉ: Tòa nhà N, đường P, phường B, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Anh Hồ Trần H; địa chỉ: Chi nhánh Văn phòng luật sư Hoàng Anh S, Tòa nhà N, đường P, phường B, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Trường C; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn đề nghị vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh N; địa chỉ: Tổ C, phường Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thái V; chức vụ: Phó Giám đốc Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh N – Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Ngọc T; chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh N; địa chỉ: Tổ E, phường T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Vũ Q; chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh N – Có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 22/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Trần Công B và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Dự án đầu tư xây dựng cụm công trình thủy lợi G được phê duyệt theo Quyết định số 1353/QĐ-CTUBND ngày 16/9/2005 của UBND tỉnh N. Tại thời điểm này gia đình ông B sinh sống ổn định tại tổ O, phường Đ, cụ thể: Năm 2005 đến năm 2007 các con của ông là Trần Thị Hoài T, (sinh năm 1992) học tại Trường THCS Nguyễn Tất T và Trần Công Thái B (sinh năm 1989) học tại trường THPT N và trực tiếp ở trên căn nhà thuộc tổ O, phường Đ; năm 2010 cháu T đi học tại thành phố Hồ Chí Minh thì ông B cho ông Nguyễn Văn H thuê nhà để ở cho đến ngày kê khai, đền bù (ngày 04/7/2011); còn cháu B vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ O, phường Đ. Sau khi biết tin nhà nước thu hồi đất, lo sợ sẽ không được phép thu hoạch và bồi thường đối với cây trồng trên đất nếu tiếp tục canh tác tại tổ O nên vợ chồng ông B chuyển sang tổ I, phường Đ trồng cà phê. Năm 2005 đến 2007, vợ chồng và các con của ông B vẫn sinh sống tại tổ O, ông B còn đầu nối điện tại đây để bảo đảm tiện ích cho các con ăn học và phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Năm 2009 vợ chồng ông phải dành nhiều thời gian chăm sóc rẫy cà phê tại tổ I nên ở căn nhà rẫy tại tổ I nhiều hơn so với thời gian trước, còn căn nhà tại tổ O ông B cho thuê kiếm thêm thu nhập cho các con ăn học đại học.

Ngày 06/5/2011 Ủy ban nhân dân thị xã G ban hành công văn số 60/TB-UBND thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án cụm công trình thủy lợi G, hạng mục Kè bờ đông. Ngày 04/7/2011, khi các cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm kê đất đai thì căn nhà tại tổ O vẫn có người sinh sống thực tế, ông B được hướng dẫn làm đơn xin xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà cửa, tài sản, vật kiến trúc, thời điểm sinh sống ổn định trên đất, nhân khẩu, hộ khẩu, nghề nghiệp. Trong đơn ông B có nêu rõ chỗ ở hiện nay của gia đình là “Tổ O, phường Đ” và 03 nhân khẩu gồm: Ông Trần Công B, bà Thái Thị L (vợ) và cháu Trần Thị Hoài T (con), tuy nhiên ngày 04/5/2013 UBND phường Đ lại xác nhận thông tin của gia đình ông B, trong đó ghi nhận tại thời điểm thu hồi không ở trên

đất nên ngày 10/12/2013 ông B khiếu nại nội dung xác nhận này. Ngày 31/3/2014 UBND phường Đ có quyết định giải quyết đơn của ông B với nội dung: “*Nhà xây dựng năm 1988 trên đất, ăn ở tại tổ O, phường Đ đến năm 2006, chuyển về ở tại tổ I, phường Đ*”. Không đồng ý với nội dung giải quyết nói trên, ông B tiếp tục làm đơn kiến nghị gửi các cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 27/5/2022 Hội đồng tư vấn của UBND phường Đ họp giải quyết kiến nghị về thời điểm sử dụng đất, xây dựng nhà, chỗ ở và nghề nghiệp của các hộ dân bị giải tỏa thuộc phạm vi hạng mục Kè bờ đông, dự án Hồ trung tâm, công trình thủy lợi G. Căn cứ kết quả cuộc họp này, UBND phường Đ ban hành công văn số 138/UBND-VP ngày 01/06/2022 về việc xác nhận chỗ ở của ông B tại thời điểm giải tỏa thuộc hạng mục Kè bờ đông, dự án Hồ trung tâm, công trình thủy lợi G với nội dung: “*Tại thời điểm bị giải tỏa, ông Trần Công B không sinh sống trên thửa đất bị giải tỏa; nhà xây dựng năm 1988, ăn ở tại tổ O, phường Đ đến năm 2006 chuyển về ở tại tổ I, phường Đ*”.

Công văn số 138/UBND-VP ngày 01/06/2022 của UBND phường Đ đã ghi nhận các thông tin sai lệch, không đúng với các tình tiết, sự kiện khách quan; không phản ánh đúng quá trình sinh sống, cư trú của gia đình ông B; không kiểm chứng, kiểm tra thực tế hay đánh giá toàn diện mà giải quyết công việc dựa trên các phán đoán chủ quan; không căn cứ đầy đủ chứng cứ, tài liệu tối thiểu cần thiết nên ông B khiếu nại gửi UBND phường Đ và được ông Nguyễn Đức H, cán bộ Tư pháp - Hộ tịch tiếp nhận theo giấy biên nhận số 18/UBND ngày 16/6/2022. Tuy nhiên, đến nay đơn khiếu nại của ông vẫn chưa được UBND phường Đ giải quyết.

Việc xác định không chính xác chỗ ở tại thời điểm giải tỏa đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông B. Vì vậy ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy công văn số 138/UBND-VP ngày 01/06/2022 về việc xác nhận chỗ ở của ông Trần Công B tại thời điểm giải tỏa thuộc hạng mục Kè bờ đông, dự án Hồ trung tâm, công trình thủy lợi G của UBND phường Đ; yêu cầu UBND phường Đ và các cơ quan có thẩm quyền xác nhận chỗ ở của gia đình ông B tại thời điểm thu hồi đất là tổ O, phường Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ngày 04/7/2011 UBND phường Đ phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh N, Ban quản lý phát triển khu đô thị mới tỉnh N, tổ trưởng tổ O, phường Đ tiến hành kiểm kê hiện trạng sử dụng đất, nhà cửa, tài sản, vật kiến trúc và cây trồng trên đất của hộ gia đình ông Trần Công B tại tổ O, phường Đ thuộc phạm vi thu hồi đất để xây dựng hạng mục Kè bờ đông, công trình Trung tâm, dự án Cụm công trình thủy lợi G. Căn cứ đơn xác nhận ngày 04/7/2011 của ông Trần Công B về nguồn gốc đất, thời điểm xây dựng nhà cửa, tài sản vật kiến trúc, thời điểm sinh sống ổn định trên đất, về nhân khẩu, hộ khẩu, nghề nghiệp, ngày 03/5/2013 UBND phường Đ xác nhận hộ ông Trần Công B tại thời điểm thu hồi đất không ở trên thửa đất bị giải tỏa.

Năm 2013 ông B có đơn kiến nghị về việc xác nhận chỗ ở, ngày 31/3/2014 UBND phường Đ đã ban hành công văn số 25/UBND về việc giải quyết đơn kiến

nghị của hộ ông Trần Công B. Ngày 29/12/2019 ông B tiếp tục làm đơn kiến nghị gửi UBND phường Đ, ngày 04/9/2020 UBND phường đã trả lời kiến nghị của ông B tại công văn số 226/UBND-VP.

Năm 2022 UBND phường Đ nhận được công văn số 150/QLDA-DA1 ngày 03/3/2022 của Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh N, đề nghị UBND phường Đ xác nhận bổ sung hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng của các hộ dân nằm trong vùng giải phóng mặt bằng dự án hồ G. Ngày 27/5/2022 UBND phường Đ họp Hội đồng tư vấn đề xác nhận bổ sung hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng theo yêu cầu của công văn 150/QLDA-DA1 ngày 03/3/2022.

Ngày 01/6/2022 UBND phường Đ ban hành Công văn số 138/UBND-VP về việc xác nhận chỗ ở của ông Trần Công B tại thời điểm giải tỏa thuộc hạng mục Kè bờ đông, dự án Hồ trung tâm, công trình thủy lợi G với nội dung: *“Nhà xây dựng năm 1988, ăn ở tại tổ O, phường Đ, đến năm 2006 chuyển về ở tại tổ I, phường Đ. Tại thời điểm bị giải tỏa, ông Trần Công B không sinh sống trên thửa đất bị giải tỏa”*.

Công văn số 138/UBND-VP ngày 01/6/2022 được UBND phường Đ ban hành trên cơ sở triển khai thực hiện yêu cầu Công văn số 150/QLDA-DA1 ngày 03/3/2022 của Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh N. Đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 35 của Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh N về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thì UBND phường Đ ban hành công văn 138 với nội dung: *“Nhà xây dựng năm 1988, ăn ở tại tổ O, phường Đ, đến năm 2006 chuyển về ở tại tổ I, phường Đ. Tại thời điểm bị giải tỏa, ông Trần Công B không sinh sống trên thửa đất bị giải tỏa”* là đúng quy định. Do đó UBND phường Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công B và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh N: Dự án Cụm công trình thủy lợi G, công trình Hồ trung tâm, hạng mục Kè bờ đông do Ban quản lý phát triển khu đô thị mới tỉnh N (nay là Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh N) làm chủ đầu tư. Trung tâm phát triển Quỹ đất chỉ là đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Căn cứ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thì việc xác nhận chỗ ở của ông B là thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của địa phương. Yêu cầu khởi kiện của ông B không liên quan đến Trung tâm phát triển Quỹ đất; Trung tâm phát triển Quỹ đất yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

3.2. Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh N: Dự án Cụm công trình thủy lợi G, công trình Hồ trung tâm, hạng mục Kè bờ đông do Ban quản lý phát triển khu đô thị mới tỉnh N (nay là Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh N) làm chủ đầu tư và Trung tâm phát triển Quỹ đất thuộc Sở tài nguyên và Môi trường là đơn vị tư vấn thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Tại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình hồ Trung tâm, hạng mục Kè bờ đông (đợt 5) được UBND thị xã G phê duyệt tại Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 21/11/2013;

Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 và Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 thì hộ ông Trần Công B bị thu hồi thửa đất diện tích 2.871m², được công nhận thêm chế độ 300m² đất ở trong tổng diện tích đất bị thu hồi theo quyết định giải quyết khiếu nại số 663/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của UBND thị xã G và 2.571m² đất nông nghiệp; nguồn gốc đất thu hồi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U173083 cấp ngày 18/9/2002, thửa đất số 182, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.482m² đất cà phê, có nhà xây dựng năm 1988. Các kết quả xác nhận về thời điểm xây dựng nhà, thời điểm sinh sống trên đất và chỗ ở tại thời điểm thu hồi đất năm 2013 của UBND phường Đ tại đơn xin xác nhận ngày 03/5/2013, công văn số 25/UBND ngày 31/3/2014, công văn số 226/UBND-VP ngày 04/9/2020 và công văn số 138/UBND-VP ngày 01/6/2022 của UBND phường Đ thì ông B xây dựng nhà năm 1988 ở trên đất đến năm 2006 chuyển vào sinh sống tại tổ I, phường Đ, tại thời điểm bị giải tỏa hộ gia đình không sinh sống trên thửa đất bị giải tỏa. Đối với nội dung kiến nghị yêu cầu cấp đất tái định cư của ông B được UBND thị xã G trả lời tại công văn số 862/UBND-TNMT ngày 27/5/2019, cụ thể: Việc bố trí tái định cư, theo xác nhận của UBND phường Đ tại thời điểm thu hồi đất để xây dựng hạng mục Kè bờ đông, công trình Trung tâm, dự án Cụm công trình thủy lợi G, ông B không ở trên đất thu hồi, không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nên không đủ điều kiện được bố trí đất tái định cư theo quy định. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công B, Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh N không liên quan nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

3.3. UBND thành phố G, tỉnh Đắk Nông:

Ngày 16/9/2005 UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 1353/QĐ-CTUBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Cụm công trình thủy lợi G, thị xã G, tỉnh Đắk Nông. Trên cơ sở bản tự khai và đề nghị xác nhận về đất, tài sản trên đất thu hồi của hộ ông Trần Công B, các xác nhận của UBND phường Đ, kết quả kiểm kê đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng của các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng trong phạm vi đất thu hồi của hộ ông Trần Công B để thực hiện hạng mục Kè bờ đông, công trình Trung tâm, dự án công trình thủy lợi G. Sau khi Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hoàn thiện hồ sơ theo quy định, trên cơ sở đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G tại tờ trình số 1688, 1689/TTr-TNMT ngày 12/11/2013, UBND thị xã ban hành Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 về việc thu hồi 2.871m² đất tại thửa số 259, tờ bản đồ số 02 (của dự án), địa chỉ tại tổ O, phường Đ của hộ ông Trần Công B và ban hành Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Trần Công B. Ngoài ra UBND thành phố còn phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho hộ ông B tại Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 và số 1269/QĐ-UBND ngày 31/8/2015. Việc UBND thành phố G ban hành các Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 21/11/2013, số 288/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 và số 1269/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Trần Công B là đúng quy định của pháp luật. Nội dung khởi kiện của ông Trần Công B không liên quan đến việc UBND

thành phố ban hành các Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Trần Công B nói trên. UBND thành phố yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông B theo quy định pháp luật.

4. Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2023/HC-ST ngày 27-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công B về việc hủy Công văn số 138/UBND-VP ngày 01/06/2022 của UBND phường Đ về việc xác nhận chỗ ở của ông Trần Công B tại thời điểm giải toả thuộc hạng mục Kè bờ đông, dự án Hồ trung tâm, công trình thủy lợi G và yêu cầu UBND phường Đ phải xác nhận lại chỗ ở tại thời điểm thu hồi đất là tổ O, phường Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo.

5. Ngày 28-9-2023, ông Trần Công B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công B.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Anh Hồ Trần H có ý kiến:

6.1.1. Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, anh H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông triệu tập người đại diện hợp pháp của người bị kiện tham gia phiên tòa để tranh tụng làm rõ nội dung vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Trần H. Sau khi hội ý, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh H vì người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ 02 lần và có đơn đề nghị vắng mặt gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

6.1.2. Tại phần trình bày của đương sự, anh H trình bày các nội dung: Có sự sai lệch về trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp lấy ý kiến ngày 27-5-2022 về thành phần tham dự họp, có 02 biên bản họp hội đồng tư vấn cùng ngày 27-5-2022 nhưng thành phần ký tên khác nhau (01 biên bản có 09 người ký tên, 01 biên bản có 06 người ký tên), số người ký tên không đúng với số người tham dự họp nên cuộc họp không thể đạt kết quả 100%; Công văn số 138/UBND-VP ngày 01/6/2022 của UBND phường Đ không nêu đầy đủ ý kiến của các thành viên dự họp theo biên bản ngày 27-5-2022 (như ý kiến của ông Võ C); đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc ông Võ C ký xác nhận trên Đơn kiến nghị ngày 28-8-2013 và 29-12-2019 với nội dung xác nhận có xu hướng mâu thuẫn với phần xác nhận tại Biên bản họp Hội đồng tư vấn; không xác định thời điểm công bố chủ trương thu hồi đất, thời điểm thu hồi đất khi giải quyết vụ án liên quan đến thu hồi đất; chưa làm rõ nội dung “không sinh sống trên đất tại thời điểm giải tỏa”. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn chưa làm rõ các tình tiết như về thời gian sinh sống, nơi ở của ông B tại thời điểm thu hồi đất, ông B làm Tổ phó và Tổ trưởng Tổ dân phố 03... Anh H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông B.

6.1.3. Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, anh H đề nghị tạm ngừng phiên tòa để triệu tập người bị kiện; Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết nội dung này vì lý do tạm ngừng không đúng quy định tại Điều 187 và Điều 238 của Luật Tổ tụng hành chính.

6.2. Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Công B giữ nguyên nội dung kháng cáo và thống nhất với ý kiến của anh Hồ Trần H đã trình bày tại mục 6.1.2 nêu trên, không bổ sung gì thêm.

6.3. Tại phần hỏi và trả lời tại phiên tòa (ông Trần Công B có mặt tại phiên tòa đến hết phần hỏi và trả lời tại phiên tòa, vì lý do sức khỏe nên rời khỏi phòng xử án), ông Trần Công B trình bày ông nhận được Quyết định số: 663/QĐ-UBND ngày 19-5-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Trần Công B (lần đầu) vào khoảng năm 2015-2016 (không nhớ chính xác ngày tháng năm), sau khi nhận ông không có khiếu nại hoặc khởi kiện đối với quyết định này.

7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Sau khi nhận được Quyết định số: 663/QĐ-UBND ngày 19-5-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Trần Công B (lần đầu), ông Trần Công B không có khiếu nại hoặc khởi kiện đối với quyết định này. Như vậy, có căn cứ xác định tại thời điểm giải tỏa, kê khai để đền bù thuộc hạng mục Kè Bờ đông, dự án Hồ trung tâm, công trình thủy lợi G ông Trần Công B không sinh sống trên thửa đất bị giải tỏa. Ngày 27-5-2022, Ủy ban nhân dân phường Đ họp Hội đồng tư vấn để xác nhận bổ sung hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng theo yêu cầu của Công văn số: 150/BQLDA-DA1 ngày 03-3-2022. Ngày 01-6-2022, Ủy ban nhân dân phường Đ ban hành Công văn số: 138/UBND-VP về việc xác nhận chỗ ở của ông Trần Công B tại thời điểm giải tỏa thuộc hạng mục Kè Bờ đông, dự án Hồ trung tâm, công trình thủy lợi G với nội dung: “Nhà xây dựng năm 1988, ăn ở tại tổ O, phường Đ, đến năm 2006 chuyển về ở tại tổ I, phường Đ. Tại thời điểm bị giải tỏa, ông Trần Công B không sinh sống trên thửa đất bị giải tỏa” là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Công B, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thời hạn kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính, đơn kháng cáo của người khởi kiện đúng thời hạn quy định.

[1.2]. Về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, người khởi kiện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng quy định.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

[2.1]. Tại Quyết định số: 619/QĐ-UBND ngày 21-11-2013 của Ủy ban nhân dân thị xã G thu hồi 2.871m² đất của hộ ông Trần Công B, thửa đất số 259, tờ bản đồ số 2 (của Dự án), tại tổ O, phường Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

[2.2]. Tại Quyết định số: 2044/QĐ-UBND ngày 21-11-2013 của Ủy ban nhân dân thị xã G phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trong đó có hộ ông Trần Công B.

[2.3]. Tại Công văn số: 25/UBND ngày 31-3-2014 của Ủy ban nhân dân phường Đ về việc giải quyết đơn kiến nghị của hộ ông Trần Công B thuộc dự án: Hồ trung tâm công trình thủy lợi G nêu “*Sau khi xem xét đơn kiến nghị của ông Trần Công B, UBND phường Đ có ý kiến, kiến nghị như sau: Ngày 30/12/2013, Hội đồng tư vấn phường Nghĩa Đức tổ chức họp để xác nhận về nguồn gốc thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà và vật kiến trúc trên đất thuộc dự án: cụm công trình thủy lợi G cụ thể: - Nhà xây dựng năm 1988 trên đất ăn ở tại tổ O, phường Đ, đến năm 2006 chuyển về ở tại tổ I, phường Đ. Hiện nay nhà ông Trần Công B có hai cặp vợ chồng cùng sinh sống trong cùng một nhà tại tổ I, phường Đ*”.

[2.4]. Tại Quyết định số: 663/QĐ-UBND ngày 19-5-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Trần Công B (lần đầu) kết luận “+ *Quá trình sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà: Hộ ông Trần Công B sử dụng đất đã bị thu hồi tại Tổ O, phường Đ từ năm 1988 đến năm 2006 là đúng sự thật... Đến năm 2006, hộ ông Trần Công B chuyển đến tổ dân phố 3, phường Nghĩa Đức để sinh sống... Về chính sách hỗ trợ: ... Do ông B không thực tế sinh sống trên đất và diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi dưới 0,3 ha nên ông không được các chế độ hỗ trợ như: hỗ trợ tái định cư...*” và quyết định “*Không công nhận nội dung khiếu nại yêu cầu giải quyết các chế độ chính sách hỗ trợ kèm theo*”.

[2.5]. Tại Công văn số: 862/UBND-TNMT ngày 27-5-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G về việc trả lời kiến nghị của ông Trần Công B nêu “**3. Giải quyết kiến nghị liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất...**UBND thị xã G đã giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 19-5-2015” (bút lục số 225). Tại Công văn số: 08/BQL-ĐB ngày 08-01-2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Nông về việc giải quyết trả lời đơn khiếu nại của hộ ông Trần Công B nêu “...Ngày 31/8/2015, UBND thị xã G phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số: 1269/QĐ-UBND, trong đó đã tính bồi thường 300m² đất ở theo Kết luận giải quyết khiếu nại của UBND thị xã G tại Quyết định số 663/QĐ-UBND (Hộ ông Trần Công B đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung ngày 6/10/2015)” (bút lục số 223).

[2.6]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Công B khai ông nhận được Quyết định số: 663/QĐ-UBND ngày 19-5-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G về

việc giải quyết khiếu nại đối với ông Trần Công B (lần đầu) vào khoảng năm 2015-2016 (không nhớ chính xác ngày tháng năm), sau khi nhận ông không có khiếu nại hoặc khởi kiện đối với quyết định này.

[2.7]. Tại Công văn số: 150/QLDA-DA1 ngày 03-3-2022 của Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh N yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Đ xác nhận bổ sung hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng của các hộ dân nằm trong vùng giải phóng mặt bằng dự án hồ G.

[2.8]. Tại Công văn số: 138/UBND-VP ngày 01-6-2022 của Ủy ban nhân dân phường Đ về việc xác nhận chỗ ở của ông Trần Công B tại thời điểm giải tòa thuộc hạng mục Kè bờ đông, dự án Hồ trung tâm công trình thủy lợi G nêu “...*Hội đồng tư vấn phường thống nhất bảo lưu kết quả của UBND phường Đ đã xác nhận theo nội dung tại Công văn số: 25/UBND ngày 31 tháng 3 năm 2014. Cụ thể: Nhà xây dựng năm 1988, ăn ở tại tổ O, phường Đ, đến năm 2006 chuyển về ở tại tổ I, phường Đ. Tại thời điểm bị giải tòa, ông Trần Công B không sinh sống trên thửa đất bị giải tòa*”.

[2.9]. Như vậy, căn cứ Công văn số: 150/QLDA-DA1 ngày 03-3-2022 của Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh N, Ủy ban nhân dân phường Đ ban hành Công văn số: 138/UBND-VP ngày 01-6-2022 không làm phát sinh nội dung mới, chỉ nhắc lại (bảo lưu kết quả) tại Công văn số: 25/UBND ngày 31-3-2014 của Ủy ban nhân dân phường Đ. Tuy nhiên, nội dung này đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G giải quyết khiếu nại đối với ông Trần Công B (lần đầu) tại Quyết định số: 663/QĐ-UBND ngày 19-5-2015. Đến nay, Quyết định số: 663/QĐ-UBND ngày 19-5-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G đang có hiệu lực pháp luật thi hành (không bị sửa đổi, bổ sung hay hủy bỏ bởi bất kỳ quyết định nào của người có thẩm quyền hay bản án của Tòa án nhân dân).

[2.10]. Đồng thời, tại đơn kiến nghị ngày 29-12-2019 (bút lục số 118), biên bản phiên tòa ngày 27-9-2023 (bút lục số 285a), phiên tòa phúc thẩm ngày 12-01-2024 và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án, ông Trần Công B đều thừa nhận nhà tại tổ O, phường Đ cho ông Nguyễn Văn H thuê từ năm 2009 đến khi bị giải tòa (khoảng năm 2016). Như vậy, tại thời điểm Ủy ban nhân dân thị xã G (cũ) thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất và ban hành Quyết định số: 619/QĐ-UBND ngày 21-11-2013 của Ủy ban nhân dân thị xã G thu hồi 2.871m² đất của hộ ông Trần Công B, thửa đất số 259, tờ bản đồ số 2 (của Dự án), tại tổ O, phường Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông thì ông Trần Công B không sinh sống tại tổ O, phường Đ là đúng thực tế nên nội dung Công văn số: 138/UBND-VP ngày 01-6-2022 của Ủy ban nhân dân phường Đ xác nhận là phù hợp.

[2.11]. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Công B, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Ông Trần Công B được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Đối với những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Công B, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2023/HC-ST ngày 27-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính:

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công B về việc yêu cầu hủy Công văn số 138/UBND-VP ngày 01/06/2022 về việc xác nhận chỗ ở của ông Trần Công B tại thời điểm giải toả thuộc hạng mục Kè Bờ đông, dự án Hồ trung tâm, công trình thủy lợi G của Ủy ban nhân dân phường Đ và yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Đ và các cơ quan có thẩm quyền xác nhận chỗ ở của gia đình ông Trần Công B tại thời điểm thu hồi đất là tổ O, phường Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2. Về án phí: Ông Trần Công B được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Đối với những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- UBND thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, THC, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

K'Tiêng